

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12 - 2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Phùng Thanh T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2025, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C (cũ), TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, ông T thường xuyên vắng nhà không lo cho gia đình, thường hay gây gổ bạo hành vợ con.

Nay cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không có trách nhiệm gì với nhau; vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Phùng Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phùng Thanh T1, sinh ngày 03/5/2009 và Phùng Thanh K, sinh ngày 30/12/2010. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung;
- Về tài sản chung: Không có;
- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Phùng Thanh T trình bày: Tôi có kết hôn với bà Nguyễn Thị M vào năm 2008, có kết hôn tại UBND phường H, quận C (cũ), thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường H, quận C (cũ), TP . và sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau trong cuộc sống.

Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà Nguyễn Thị M nữa nên tôi xin Tòa án giải quyết cho cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phùng Thanh T1, sinh ngày 03/5/2009 và Phùng Thanh K, sinh ngày 30/12/2010. Ly hôn, vợ chồng tôi thỏa thuận giao hai con cho bà Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Phùng Thanh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị M và ông Phùng Thanh T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C (cũ), TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà M, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, ông T thường xuyên vắng nhà không lo cho gia đình, thường hay gây gổ bạo hành vợ con nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, trong quá trình chung sống với nhau cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Còn ông T cũng xác nhận trong quá trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau trong cuộc sống.

Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà Nguyễn Thị M nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa, bà M kiên quyết xin được ly hôn ông T, còn ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo bản trình bày của ông T thì ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phùng Thanh Trung thực S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Phùng Thanh T để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà M, ông T có 02 con chung là Phùng Thanh T1, sinh ngày 03/5/2009 và Phùng Thanh K, sinh ngày 30/12/2010. Ly hôn, bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung còn ông T cũng đồng ý giao hai con cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cả hai cháu T1 và K hiện còn nhỏ và đang ở với bà M từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc, gần gũi, quan tâm của người mẹ để đảm bảo cho sự ổn định phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; hơn nữa cả cháu T1, cháu K đều có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học; điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của bà M. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cân giao hai cháu Phùng Thanh T1 và Phùng Thanh K cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc bà M không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà M nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Bà M xác định không có tài sản chung còn ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà M và ông T xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị M phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M với ông Phùng Thanh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phùng Thanh T.

2. Về con chung: Giao hai con Phùng Thanh T1, sinh ngày 03/5/2009 và Phùng Thanh K, sinh ngày 30/12/2010 cho bà Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Phùng Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị M phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002633 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- T2;
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Lâm